**DANH MỤC NHÓM MẶT HÀNG, MẶT HÀNG DỰ KIẾN CÓ SỰ THAY ĐỔI VỀ THUẾ SUẤT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TÊN HÀNG HÓA** | **THUẾ SUẤT HIỆN HÀNH** | **THUẾ DỰ KIẾN 2016** |
| **9 dòng thuế phải cắt giảm thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi theo cam kết WTO năm 2016** |
| **Cá, đông lạnh, trừ phi-lê cá (fillets) và các loại thịt khác thuộc nhóm 03.04.** |  |  |
| - Cá hồi, trừ gan, sẹ và bọc trứng Cá, Loại khác (trừ Cá hồi đỏ, Cá hồi Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Cá hồi vân) | 18 | 16 |
| **Xe ô tô và các loại xe khác có động cơ được thiết kế chủ yếu để chở người (trừ các loại thuộc nhóm 87.02), kể cả xe chở người có khoang hành lý chung (station wagons) và ô tô đua.** |  |  |
| - Xe ô tô có nội thất được thiết kế như căn hộ (Motor-homes) | 64 | 61 |
| - - Dung tích xi lanh trên 2.500 cc | 64 | 61 |
| - - Xe bốn bánh chủ động | 55 | 51 |
| - - Loại dung tích xi lanh trên 3.000 cc, xe ô tô (kể cả xe chở người có khoang chở hành lý chung (station wagons), SUV và xe thể thao nhưng không kể xe van), loại khác (trừ dạng CKD) | 64 | 61 |
| - Xe ô tô có nội thất được thiết kế như căn hộ (Motor-homes) | 64 | 61 |
| - - Xe bốn bánh chủ động | 55 | 51 |
| - - Loại dung tích xi lanh trên 3.000 cc, loại khác (trừ dạng CKD) | 64 | 61 |
| **Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa.** |  |  |
| - Tổng trọng lượng có tải tối đa không quá 5 tấn | 56 | 53 |
| **Thuế xuất khẩu** |  |  |
| - Đá cuội, sỏi, đá đã vỡ hoặc nghiền, chủ yếu để làm cốt bê tông, để rải đường bộ hay đường sắt hoặc đá balat khác, đá cuội nhỏ và đá flin, đã hoặc chưa qua xử lý nhiệt: |  |  |
| - - Loại có kích cỡ đến 400 mm  | 17 | 15 |
| - - Loại khác | 17 | 15 |
| - Đá ở dạng viên, mảnh và bột, làm từ các loại đá thuộc nhóm 25.15 hoặc 25.16, đã hoặc chưa qua xử lý nhiệt: |  |  |
| - - Từ đá cẩm thạch: |  |  |
| - - - Bột cacbonat canxi được sản xuất từ loại đá thuộc nhóm 25.15, có kích thước từ 0,125 mm trở xuống | 17 | 10 |
| - - - Bột cacbonat canxi được sản xuất từ loại đá thuộc nhóm 25.15, có kích thước hạt trên 0,125 mm đến dưới 1mm | 17 | 10 |
| - - - Loại có kích cỡ đến 400 mm | 14 | 15 |
| - - - Loại khác | 17 | 15 |
| - - Từ đá khác: |  |  |
| - - - Bột cacbonat canxi được sản xuất từ loại đá thuộc nhóm 25.15, có kích thước từ 0,125 mm trở xuống | 5 | 10 |
| - - - Bột cacbonat canxi được sản xuất từ loại đá thuộc nhóm 25.15, có kích thước hạt trên 0,125 mm đến dưới 1mm | 10 | 10 |
| - - - Loại có kích cỡ đến 400 mm  | 14 | 15 |
| - - - Loại khác | 17 | 15 |
| - - - Quặng đất hiếm | 10 | 30 |
| **Xỉ hạt nhỏ (xỉ cát) từ công nghiệp luyện sắt hoặc thép** |  |  |
| - Xỉ thu được từ quá trình luyện kim loại | 0 | 20 |
| **Xỉ, địa xỉ (trừ xỉ hạt), vụn xỉ và các phế thải khác từ công nghiệp luyện sắt hoặc thép.** |  |  |
| - Xỉ thu được từ quá trình luyện kim loại | 0 | 20 |
| **Xỉ, tro và cặn (trừ tro và cặn thu được từ quá trình sản xuất sắt hoặc thép), có chứa arsen, kim loại hoặc các hợp chất của chúng.** |  |  |
| - Xỉ thu được từ quá trình luyện kim loại | 0 | 20 |
| **Titan oxít.** |  |  |
| - Inmenit hoàn nguyên có hàm lượng TiO2 ≥ 56%, FeO ≤11% (Được chuyển từ nhóm 26.14, mã hàng 2614.00.10 sang) | thuế suất 15% | 10 |
| **Chất gắn đã điều chế dùng cho các loại khuôn đúc hoặc lõi đúc; các sản phẩm và chế phẩm hóa học của ngành công nghiệp hóa chất hoặc các ngành công nghiệp có liên quan (kể cả các sản phẩm và chế phẩm chứa hỗ hợp các sản phẩm tự nhiên), chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác** |  |  |
| - Bột cacbonat canxi có tráng phủ axit stearic, được sản xuất từ loại đá thuộc nhóm 25.15, có kích thước hạt dưới 1 mm | 3 | 7 |
| **Gỗ nhiên liệu, dạng khúc, thanh nhỏ, cành, bó hoặc các dạng tương tự; vỏ bào, dăm gỗ; phế liệu gỗ và mùn cưa, đã hoặc chưa đóng thành khối, bánh, viên hoặc các dạng tương tự.** |  |  |
| - Gỗ nhiên liệu, dạng khúc, thanh nhỏ, cành, bó hoặc các dạng tương tự | 5 | 10 |
| - - Dăm gỗ từ cây lá kim | 0 | 5 |
| - - Dăm gỗ từ cây không thuộc loại lá kim | 0 | 5 |
| **Đồng phế liệu và mảnh vụn.** |  |  |
| - Phoi tiện, phoi bào, bụi xẻ, mùn mạt giũa, bột nghiền, bột đẽo của đồng, đã hoặc chưa được ép thành khối hay đóng thành kiện, bánh, bó | 0 | 22 |
| **Nhôm ở dạng tấm, lá và dải, chiều dày trên 0,2 mm.** |  |  |
| - Dải nhôm cuộn | 0 | 15 |
| **THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI** |
| **Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ, của gia cầm thuộc nhóm 01.05, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh.** |  |  |
| - Của gà lôi | 40 | 15 |
| **Cá, làm khô, muối hoặc ngâm nước muối; cá hun khói, đã hoặc chưa làm chín trước hoặc trong quá trình hun khói; bột mịn, bột thô và bột viên làm từ cá, thích hợp dùng làm thức ăn cho người.** |  |  |
| - Dạ dày cá | 15 | 5 |
| **Các loại đậu khô, đã bóc vỏ quả, đã hoặc chưa bóc vỏ hạt hoặc làm vỡ hạt.** |  |  |
| - Đậu triều, đậu săng (Cajanus cajan) | 10 | 0 |
| **Chất chiết xuất, tinh chất và chất cô đặc, từ cà phê, chè hoặc chè Paragoay, và các chế phẩm có thành phần cơ bản từ các sản phẩm này hoặc có thành phần cơ bản từ cà phê, chè, chè Paragoay; rau diếp xoăn rang và các chất thay thế cà phê rang khác, và các chiết xuất, tinh chất và chất cô đặc của chúng.** |  |  |
| - Chất chiết xuất, tinh chất và các chất cô đặc: |  |  |
| -- Cà phê tan | 40 | 30 |
| -- Loại khác | 40 | 30 |
| **Các chế phẩm có thành phần cơ bản từ các chất chiết xuất, tinh chất hoặc các chất cô đặc hoặc có thành phần cơ bản là cà phê:** |  |  |
| - Hỗn hợp dạng bột nhão có thành phần cơ bản từ cà phê rang, có chứa chất béo thực vật | 40 | 30 |
| - Loại khác | 40 | 30 |
| **Chất chiết xuất, tinh chất và các chất cô đặc, từ chè hoặc chè Paragoay, và các chế phẩm có thành phần cơ bản từ các chất chiết xuất, tinh chất hoặc các chất cô đặc này hoặc có thành phần cơ bản từ chè hoặc chè Paragoay:** |  |  |
| - Các chế phẩm chè kể cả hỗn hợp của chè, sữa bột và đường | 40 | 30 |
| - Loại khác | 40 | 30 |
| - Rau diếp xoăn rang và các chất thay thế cà phê rang khác, và chất chiết xuất, tinh chất và các chất cô đặc từ các sản phẩm trên | 40 | 30 |
| **Khô dầu và phế liệu rắn khác, đã hoặc chưa xay hoặc ở dạng bột viên, thu được từ quá trình chiết xuất dầu đậu tương:** |  |  |
| - Bột đậu tương đã được khử chất béo, thích hợp dùng làm thức ăn cho người | 0 | 0 |
| - Loại khác | 0 | 2 |
| **Đá cẩm thạch, đá vôi vàng nhạt, ecaussine và đá vôi khác để làm tượng đài hoặc đá xây dựng có trọng lượng riêng từ 2,5 trở lên, và thạch cao tuyết hoa, đã hoặc chưa đẽo thô hoặc mới chỉ cắt bằng cưa hay bằng cách khác, thành các khối hoặc tấm hình chữ nhật (kể cả hình vuông).** |  |  |
| - Đá cẩm thạch và đá vôi vàng nhạt: |  |  |
| - - Mới chỉ cắt, bằng cưa hoặc cách khác, thành các khối hoặc tấm hình chữ nhật (kể cả hình vuông): |  |  |
| - - - Dạng khối | 3 | 0 |
| - - - Dạng tấm | 0 | 3 |
| **Phosphinat (hypophosphit), phosphonat (phosphit) và phosphat; polyphosphat, đã hoặc chưa xác định về mặt hoá học.** |  |  |
| - Phosphat: |  |  |
| - - Canxi hydro orthophosphat (“dicanxi phosphat”): |  |  |
| - - - Loại dùng cho thức ăn gia súc | 0 | 2 |
| **Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác.** |  |  |
| - Từ polyme propylen: |  |  |
| - - Màng propylen định hướng hai chiều (BOPP)  | 5 | 6 |
| **Sợi filament tổng hợp (trừ chỉ khâu), chưa đóng gói để bán lẻ, kể cả sợi monofilament tổng hợp có độ mảnh dưới 67 decitex.** |  |  |
| - Sợi có độ bền cao từ polyeste | 0 | 3 |
| **Sợi dún** |  |  |
| - Từ các polyeste | 0 | 3 |
| - Loại khác, từ các polyeste, được định hướng một phần | 0 | 3 |
| - Loại khác, từ các polyeste | 0 | 3 |
| - Từ polyeste | 0 | 3 |